

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAK ĐOÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2387/UBND-NC

Đak Đoa, ngày 17 tháng 11 năm 2021

V/v hướng dẫn triển khai
công tác kê khai tài sản, thu
nhập năm 2021

Kính gửi:

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị;
- Hiệu trưởng các trường học thuộc huyện;
- Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Để triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ; Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh năm 2021; UBND huyện hướng dẫn việc thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2021 như sau:

Yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Hiệu trưởng các trường học thuộc huyện; UBND các xã, thị trấn tổ chức việc kê khai, tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai, công khai bản kê khai, mẫu bản kê khai, nội dung kê khai, đối tượng kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại Mục 2 Phần 6 Chương II Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 (từ Điều 33 đến Điều 39); Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định; Quyết định số 544/QĐ-UBND tỉnh ngày 21/6/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai, trong đó có thủ tục kê khai tài sản, thu nhập. Quá trình thực hiện đề nghị các cơ quan, đơn vị, trường học; UBND các xã, thị trấn lưu ý một số nội dung sau:

1. Về đối tượng kê khai:

a/ Kê khai hàng năm:

- Đối tượng kê khai hàng năm ở các cơ quan, đơn vị thuộc huyện bao gồm:
 - + Người giữ ngạch công chức và chức danh theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ;
 - + Người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực được xác định trong danh mục tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ;
- Mẫu bản kê khai: Người thuộc đối tượng kê khai hàng năm kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu quy định tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số

130/2020/NĐ-CP của Chính phủ và ghi tiêu đề là “**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2021**”.

b) Kê khai bổ sung:

- Đối tượng kê khai bổ sung: Những người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu nhưng không thuộc đối tượng kê khai hàng năm nêu trên thì thực hiện kê khai bổ sung khi có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có tổng giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên so với lần kê khai trước đó (*tổng giá trị biến động trong năm là bao gồm tất cả các tài sản - kể cả thu nhập trong năm (tăng hoặc giảm) cộng lại có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên*).

- Mẫu bản kê khai: Người kê khai bổ sung kê khai theo mẫu quy định tại phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ và nội dung kê khai theo hướng dẫn tại phần B của phụ lục II.

2. Về nội dung kê khai:

a) Về thông tin tài sản phải kê khai:

Người kê khai phải ghi đầy đủ thông tin tài sản được kê khai như hướng dẫn tại Phần B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP; Người kê khai không được thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung trong mẫu. Tài sản nào không có thì ghi “không”, không được để trống hoặc xóa bỏ khỏi bản kê khai. Đồng thời lưu ý một số nội dung sau:

- Về kê khai đối với quyền sử dụng đất: Trường hợp thửa đất được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai vào mục đất ở; trường hợp này phần diện tích sẽ kê khai như sau: khai diện tích đất ở (tổng diện tích thửa đất, trong đó nêu rõ diện tích đất ở và diện tích các loại đất khác).

Ví dụ: Ông A có thửa đất gồm 200m² đất ở và 200m² đất trồng cây lâu năm thì kê khai diện tích trong mục đất ở như sau: 200m² (tổng diện tích 400m², bao gồm 200m² đất ở và 200m² đất trồng cây lâu năm).

- Về nội dung giá trị tài sản kê khai đối với nhà, đất, các công trình xây dựng khác và tài sản khác gắn liền với đất:

+ Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có).

+ Trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản.

+ Trường hợp tài sản được cho, tặng, thừa kế thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và ghi “giá trị ước tính”.

+ Trường hợp tài sản là đất và nhà mua chung thì khai phần trị giá tại thời điểm mua vào giá trị phần đất, còn giá trị của ngôi nhà thì khai “không xác định được giá trị vì tài sản mua chung với đất”.

+ Trường hợp không thể ước tính trị giá tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu, không có giao dịch đối với tài sản tương tự hoặc tài sản thừa kế, cho,

tặng... thì ghi “không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do vì sao không xác định được giá trị.

- Về nội dung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà:

+ Người kê khai khai cụ thể một số thông tin được thể hiện trong mẫu kê khai, ví dụ: Số AD 526351 do UBND thành phố Pleiku cấp ngày 23/5/2007. Cấp cho ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị B (trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của nhiều người thì kê khai họ tên người đại diện).

+ Trường hợp thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi “chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

+ Trường hợp nhà không có giấy chứng nhận quyền sở hữu thì ghi “Không có giấy chứng nhận quyền sở hữu. Nhà được xây trên đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số... do UBND thành phố Pleiku cấp ngày....tháng... năm Cấp cho ông....., bà.....”

+ Trường hợp nhà và đất có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất thì khai thông tin về giấy chứng nhận của phần đất và phần nhà.

+ Về nội dung mục “Thông tin khác (nếu có)”: Người kê khai phải ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng; tình trạng chuyển nhượng, sang tên và hiện trạng sử dụng như sau: Nhà đang sử dụng để ở, nhà đang cho thuê, nhà đang cho mượn hoặc nhà đang để trống không ai sử dụng,... Kê khai tương tự đối với phần đất như: Đất có nhà đang ở, đất có nhà đang cho thuê, đất đang cho thuê, cho mượn, đất đang trồng cây ăn trái, đang trồng cây công nghiệp... hoặc đất đang để trống không sử dụng; tài sản đang làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên; tài sản của người kê khai nhưng đứng tên người khác (ghi rõ cụ thể họ và tên, địa chỉ người đứng tên) hoặc tài sản người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế của người khác (ghi cụ thể họ và tên, địa chỉ người đứng tên),...

- Đối với vàng, kim cương, bạch kim và các loại đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: Khai từng loại cụ thể, ví dụ: gia đình bà A có 01 bộ trang sức đá quý trị giá 30 triệu đồng, 05 chỉ vàng SJC trị giá 28 triệu đồng (tổng là trên 50 triệu đồng) thì bà A phải kê khai cụ thể những loại trang sức, vàng như trên.

- Đối với tiền (tiền Việt nam, ngoại tệ): Khai tổng số tiền hiện có (quy đổi ra tiền Việt Nam) với tổng giá trị từ 50 triệu trở lên; đồng thời kê khai cụ thể số lượng từng loại trong tổng số tiền trên như: Số tiền mặt; số tiền cho vay; số tiền trả trước (tiền người kê khai mua trả góp nhà, đất, xe ô tô, xe máy, ...); Số tiền gửi cá nhân; Số tiền gửi tại các tổ chức trong nước và tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

- Đối với các loại tài sản khác: Kê khai rõ số lượng, trị giá và một số thông tin khác liên quan thể hiện tại mẫu bản kê khai đối với từng loại tài sản. Trị giá tài sản là số tiền phải trả khi mua, nhận chuyển nhượng, giá được tính khi góp vốn, giá ước tính khi được cho, tặng, thừa kế. Lưu ý đối với tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký và một số tài sản khác (như đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, tài sản khác...) nếu có trị giá mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên thì phải kê khai. Ví dụ:

+ Nếu có 01 xe mô tô trị giá 50 triệu đồng trở lên thì kê khai 01 xe; nếu có 02 xe mô tô trở lên mà tổng trị giá các xe mô tô từ 50 triệu đồng trở lên thì kê khai từng xe đối với tất cả các xe. Các loại xe gắn máy, xe máy cũng kê khai tương tự như đối với xe mô tô.

+ Nếu có 01 bộ bàn ghế trị giá 50 triệu đồng trở lên thì kê khai 01 bộ; nếu có 02 bộ bàn ghế trở lên mà tổng trị giá các bộ bàn ghế từ 50 triệu đồng trở lên thì kê khai từng bộ đối với tất cả các bộ bàn ghế. Kê khai tương tự như vậy đối với tài sản là đồ mỹ nghệ, bàn ghế, tranh ảnh, tài sản khác...

- Về tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: Kê khai tổng thu nhập tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày trước ngày kê khai; đồng thời kê khai cụ thể thu nhập từng người trong gia đình như mẫu kê khai (*Thu nhập bao gồm tất cả các khoản như: lương, tiền công, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, tiền lãi cho vay - gửi tiết kiệm, các khoản thu nhập khác*). Trường hợp có các khoản thu nhập chung mà không thể tách riêng thì ghi số tổng vào phần các khoản thu nhập chung. Nếu có thu nhập bằng ngoại tệ, tài sản khác thì quy đổi thành tiền Việt Nam.

b) Về biến động tài sản thu nhập; giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập:

- Người kê khai thực hiện kê khai tài sản tăng hoặc giảm tại thời điểm kê khai so với tài sản đã kê khai trước đó và giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm. Nếu không có tăng, giảm tài sản so với lần kê khai trước đó thì ghi “không có biến động” ngay sau tên của mục III của bản kê khai.

- Nội dung kê khai tăng, giảm tài sản, người kê khai thực hiện kê khai theo hướng dẫn tại phần IV của phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

* **Lưu ý**: Mỗi bản kê khai tài sản, thu nhập được lập thành 04 bản, trong đó: (02 bản nộp Thanh tra huyện, 01 bản nộp phòng Nội vụ, 01 bản lưu tại cơ quan, đơn); người kê khai ghi rõ thời gian, ký xác nhận từng trang và ký, ghi rõ họ và tên ở trang cuối cùng của mỗi bản kê khai.

3. Tổ chức việc kê khai và thời gian hoàn thành việc kê khai:

- Cơ quan, đơn vị thuộc huyện lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai hàng năm; tổ chức quán triệt, hướng dẫn cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức tự rà soát biến động về tài sản, thu nhập của mình trong năm 2021 để tự giác báo cáo với cơ quan, đơn vị lập danh sách kê khai nếu thuộc đối tượng kê khai bổ sung. Danh sách đối tượng kê khai hàng năm và đối tượng kê khai bổ sung được lập riêng.

- Thời gian hoàn thành việc kê khai chậm nhất ngày **30/11/2021**. Trường hợp trong đợt kê khai tài sản, thu nhập lần đầu chưa thực hiện kê khai mà có lý do chính đáng thì phải bổ sung bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, nộp và lưu trữ theo đúng quy định.

4. Việc quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập:

- Cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm tiếp nhận các bản kê khai. Người được giao tiếp nhận bản kê khai có trách nhiệm kiểm tra bản kê khai, từng nội dung khai có đúng mẫu, đúng quy định, hướng dẫn

không; nếu khai chưa đúng thì yêu cầu kê khai bổ sung hoặc kê khai lại, nộp lại bản kê khai đảm bảo thời gian quy định. Sau khi nhận lại bản kê khai người nhận bản kê khai kiểm tra lại và ghi rõ thời gian, ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, chức danh vào trang cuối cùng của bản kê khai.

- Sau khi tiếp nhận bản kê khai, cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai bàn giao 01 bản kê khai (kèm theo danh sách người có nghĩa vụ kê khai) về Thanh tra huyện; thời gian bàn giao chậm nhất ngày **10/12/2021**.

- Đối với bản kê khai tài sản, thu nhập của các đồng chí lãnh đạo UBND huyện do Văn phòng HĐND và UBND huyện tổ chức thực hiện và bàn giao cho Thanh tra huyện. Thời hạn bàn giao cho Thanh tra huyện chậm nhất vào ngày **15/12/2021** để Thanh tra huyện tổng hợp, kịp thời bàn giao về Thanh tra tỉnh đảm bảo thời gian quy định

5. Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập:

Chậm nhất 05 ngày kể từ ngày bàn giao 01 bản kê khai tài sản, thu nhập cho Thanh tra huyện; cơ quan, đơn vị tổ chức công khai bản kê khai tài sản, thu nhập còn lại tại cơ quan, đơn vị theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

Trên đây là hướng dẫn của UBND huyện về công tác kê khai tài sản thu nhập năm 2021. Đề nghị các cơ quan, đơn vị thuộc huyện triển khai, thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có ý kiến trao đổi với Thanh tra huyện để phối hợp xử lý. / *th*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện ;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện ;
- Trang TTĐT của huyện;
- Lưu: VT, NC. *th*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

th
Phạm Minh Trung

UBND HUYỆN ĐAK ĐOÀ

Tên cơ quan, đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đak Đoa, ngày tháng năm 2021

**BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH
KÊ KHAI TÀI SẢN (LẦN ĐẦU, BỔ SUNG, NĂM 2021)**

(Ban hành kèm theo Công văn số: /UBND-NC ngày /11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Họ và tên	Chức vụ	Đã KKTSTN	Không KKTSTN	Ghi chú
1	Phòng A	Nguyễn Văn A	Trưởng phòng	x		
		Nguyễn Văn B	P. Trưởng phòng		x	
					
				0	0	0
Tổng cộng đã kê khai						

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)